TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **02**/2022/DS-ST
Ngày: 18– 01 – 2022.
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2021/TLST – DS, ngày 17 tháng 3 năm 2021, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST – DS, ngày 25 tháng 11 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 13/12/2021

và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2021/QĐST–DS, ngày 30/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Anh T.

Địa chỉ: Thôn 12, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Bị đơn: Bà Vũ Thị P(tên gọi khác: P Minh).

Địa chỉ: Thôn 6E, xã L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện, ngày 24/02/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T cùng trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 02/11/2017 âm lịch (tức ngày 19/12/2017 dương lịch) ông Nguyễn Anh T, bà Hoàng Thị T có cho bà Vũ Thị P (tên thường gọi P Minh), địa chỉ: Thôn 6E, xã L, huyện K vay số tiền 118.800.000đ (Một trăm mười tám triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn), với mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.5%/ tháng. Thời hạn vay hai bên thỏa thuận bằng miệng là 1 năm, tức ngày 02/11/2018 âm lịch sẽ trả toàn bộ tiền vay gốc và lãi suất, tuy nhiên từ đó đến nay mặc dù gia đình bà Thoa ông Tuấn đã nhiều lần đến nhà đòi nhưng bà Vũ Thị P cứ hẹn mãi không chịu trả tiền cho bà T, ông T.

Đến năm 2020 do quá hạn trả nợ như thỏa thuận nên bà T, ông T khởi kiện bà Vũ Thị P đến Tòa án. Quá trình khởi kiện bà P xin bà T rút đơn khởi kiện để bà P tự thỏa thuận việc trả nợ và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ số 67/2020, ngày 25/6/2020. Tuy nhiên từ đó đến nay bà Vũ Thị P vẫn không trả cho ông T, bà T được khoản tiền nào cả, kể cả tiền vay nợ gốc và lãi suất phát sinh.

Vì vậy ông Nguyễn Anh T, bà Hoàng Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Vũ Thị P có trách nhiệm trả cho ông T, bà T số tiền vay gốc là 118.800.000đ (Một trăm mười tám triệu, tám trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi

suất phát sinh theo thỏa thuận là 1.5%/ tháng từ ngày vay 02/11/2017 âm lịch (tức ngày 19/12/2017 dương lịch) cho đến khi thanh toán xong nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn; tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có nguyên đơn ông Nguyễn Anh T, bà Hoàng Thị T có mặt; bị đơn bà Vũ Thị P vắng mặt không có lý do; Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với bị đơn bà Vũ Thị P . Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Anh T cùng trình bày ý kiến tranh luận: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

- Bị đơn bà Vũ Thị P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quyền tham gia tố tụng của các bên.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): HĐXX, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn bà Vũ Thị P, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T. Buộc bà Vũ Thị P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/01/2022) là 207.365.400đ (Hai trăm linh bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm đồng). Trong đó tiền vay gốc 118.800.000đ; tiền lãi suất 88.565.400đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T, bà Hoàng Thị T lập ngày 24 tháng 02 năm 2021, Toà án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bị đơn bà Vũ Thị P, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6E, xã L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Vũ Thị P, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo mở lại phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà Vũ Thị P vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hòang Thị T, ông Nguyễn Anh T yêu cầu bà Vũ Thị P, hoàn trả số tiền 118.800.000đ, HĐXX nhận định:

Trong quá trình xây dựng hồ sơ vụ án, Toà án đã triệu tập bà Vũ Thị P đến Toà án lập bản tự khai, tham gia phiên họp và hoà giải nhưng bà Vũ Thị P đều vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 31/5/2021 nguyên đơn bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T đã làm đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Vũ Thị P tại giấy vay tiền đề ngày 2/11/2017 âl (bút lục số 55).

Ngày 13/8/2021 Tòa án nhân dân huyện K, Đắk Lắk đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 06/2021/QĐ-TCGĐ trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thực hiện giám định chữ ký, chữ viết P, Vũ Thị P trong giấy vay tiền, ngày 2/11/2017 âl do nguyên đơn bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T cung cấp (bút lục số 55) và chữ ký chữ viết P, Vũ Thị P tại biên bản giao thông báo thụ lý vụ án, lập ngày 19/3/2021 (bút lục số 26); biên bản giao giấy triệu tập, lập ngày 20/5/2021 (bút lục số 38) do Toà án thu thập có phải do một người ký và viết ra hay không?.

Tại kết luận giám định số: 161/KLGĐ-PC09 ngày 23/9/2021 (bút lục số 59) Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: "Chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị P trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thị P trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra".

Như vậy căn cứ đơn khởi kiện, lập ngày 24/02/2021, lời khai của bà Hoàng Thị T, ông T tại phiên toà và căn cứ kết luận giám định số 161/KLGĐ-PC09 ngày 23/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Ngày 02/11/2017 âl (tức ngày 19/12/2017) bà Vũ Thị P có viết giấy vay tiền với nội dung tôi P Minh có vay của bà T, ông T số tiền 118.800.000đ. Việc xác lập giấy vay tiền trên là có thật. Mặc dù trong giấy vay tiền không thể hiện thời hạn trả nợ cụ thể, tuy nhiên căn cứ vào quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 67/2020/QĐST-DS, ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện K và biên bản hòa giải không thành lập ngày 14/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã L đủ cơ sở để xác định đến hạn trả nợ tiền vay, bà T ông T đã đòi tiền nhưng bà Vũ Thị P

không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự (BLDS).

Tại khoản 1 Điều 466 của BLDS quy định:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T là có căn cứ, vì vậy HĐXX căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466 của BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Vũ Thị P trả cho bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T số tiền vay gốc 118.800.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Trong giấy vay tiền lập ngày 02/11/2017 âl, thể hiện mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1.5%/tháng, như vậy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Tại khoản 1 Điều 468 của BLDS quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....".

Căn cứ vào Điều luật viện dẫn nêu trên và lời khai của nguyên đơn, HĐXX áp dụng mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1.5%/tháng, tương đương mức lãi suất 18%/năm, cụ thể như sau: Từ ngày 02/11/2017 âm lịch (tức ngày 19/12/2017 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/01/2022) là 1491 ngày x 18%/ 1 năm x 118.800.000đ/365 ngày = 87.352.175đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền vay gốc và lãi suất buộc bà Vũ Thị P có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T là 206.152.175đ. Trong đó tiền vay gốc 118.800.000đ; tiền lãi suất 87.352.175đ.

[4] Về lệ phí giám định: Căn cứ vào các Điều 159, 160, 161 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự: Buộc bà Vũ Thị P phải có trách nhiệm trả lại cho bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T 4.450.000đ tiền chi phí giám định chữ ký.

[5] **Về án phí:** Buộc bà Vũ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T được nhận lại số tiền 4.570.000đ (Bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0016852 ngày 12/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

[6] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 5 Điều 94, Điều 159, Điều 160, Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 195, Điều 203; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T.

1. Buộc bà Vũ Thị P phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T tổng số tiền là 206.152.175đ (Hai trăm lẻ sáu triệu một trăm năm mươi hai nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó tiền vay gốc là 118.800.000đ; tiền lãi suất là 87.352.175đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến

khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc bà Vũ Thị P phải có trách nhiệm trả lại cho bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Anh T4.450.000đ (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định chữ ký.

3. Về án phí và tiền tạm ứng án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Vũ Thị P phải chịu 10.307.608đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo mức: 206.152.175đ x 5% = 10.307.608đ (Mười triệu ba trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm lẻ tám đồng).

- Bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Anh T được nhận lại số tiền 4.570.000đ (Bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0016852 ngày 12/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai